

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 4 – BÀI 11. HÀNG VÀ LỚP

Phần I. Tự luận

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống theo lớp nghìn và lớp đơn vị đã cho.

a) Lớp nghìn là **190**; lớp đơn vị là **812**. Số cần viết là

b) Lớp nghìn là **406**; lớp đơn vị là **862**. Số cần viết là

c) Lớp nghìn là **317**; lớp đơn vị là **099**. Số cần viết là

d) Lớp nghìn là **342**; lớp đơn vị là **006**. Số cần viết là

Bài 2. Điền cách đọc bằng chữ của mỗi số sau.

a) Số 155 708 105 đọc là
.....

b) Số 511 559 385 đọc là
.....

c) Số 685 362 đọc là
.....

d) Số 2 225 062 đọc là
.....

Bài 3. Viết mỗi số sau thành tổng giá trị các hàng khác 0.

a) 302 300 867 =.....

b) 338 020 000 =.....

c) 94 370 000 =.....

d) 3 401 458 =.....

Bài 4. Viết cách đọc của mỗi số tròn triệu sau.

a) Số 706 000 000 đọc là

b) Số 341 000 000 đọc là

c) Số 376 000 000 đọc là

d) Số 939 000 000 đọc là

Bài 5. Viết mỗi số sau thành tổng giá trị các hàng khác 0.

a) 45 020 309 =.....

b) 5 442 020 =.....

c) 2 720 215 =.....

d) 160 754 055 =.....

Bài 6. Điền tên lớp của chữ số được nêu trong mỗi số.

a) Trong số 6196, chữ số 9 thuộc

b) Trong số 468 780 259, chữ số 4 thuộc

c) Trong số 723 991 574, chữ số 2 thuộc

- d) Trong số 660 198 592, chữ số 5 thuộc
- e) Trong số 543 695 234, chữ số 6 thuộc
- f) Trong số 523 094 156, chữ số 4 thuộc
- g) Trong số 76 258 216, chữ số 5 thuộc
- h) Trong số 94 428, chữ số 8 thuộc

Bài 7. Viết số thích hợp vào chỗ trống theo cách đọc đã cho.

- a) Chín mươi hai nghìn hai trăm mười sáu viết là
- b) Hai mươi nghìn không trăm bảy mươi lăm viết là
- c) Tám mươi chín nghìn một trăm linh năm viết là
- d) Năm nghìn tám trăm năm mươi bảy viết là

Bài 8. Điền chữ số thích hợp vào mỗi chỗ trống.

- a) Trong số 909 900 750, chữ số ở hàng triệu là
- b) Trong số 9590, chữ số ở hàng trăm là
- c) Trong số 19 801, chữ số ở hàng chục nghìn là
- d) Trong số 7 768 126, chữ số ở hàng trăm nghìn là
- e) Trong số 95 714 091, chữ số ở hàng chục là
- f) Trong số 924, chữ số ở hàng đơn vị là
- g) Trong số 685 590, chữ số ở hàng trăm là
- h) Trong số 25, chữ số ở hàng đơn vị là

Bài 9. Điền số thích hợp vào chỗ trống để được đẳng thức đúng.

- a) $4000 + \dots + 7 = 4057$
- b) $70\,000\,000 + 7\,000\,000 + \dots + 60\,000 + 7000 = 77\,767\,000$
- c) $600\,000 + \dots + 1000 + 700 + 60 + 1 = 681\,761$
- d) $\dots + 100\,000 + 2000 + 700 = 6\,102\,700$

Bài 10. Viết số thích hợp vào chỗ trống theo mô tả cấu tạo số.

- a) Gồm 226 triệu; 170 nghìn; 327 đơn vị. Viết số đó:
- b) Gồm 6 trăm triệu; 9 chục triệu; 8 triệu; 9 trăm nghìn; 9 chục nghìn; 2 nghìn; 8 chục; 3 đơn vị. Viết số đó:
- c) Gồm 694 triệu; 207 nghìn; 337 đơn vị. Viết số đó:
- d) Gồm 3 trăm triệu; 1 triệu; 5 trăm nghìn; 9 chục nghìn; 9 nghìn; 8 trăm; 9 chục; 1 đơn vị. Viết số đó:

---HẾT---